

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7-CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST  
Ngày: 21/01/2026  
*V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Hồng Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Liêu Tài Ngoánh  
2. Ông Huỳnh Tài Em

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 203/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Liên Quốc T, sinh ngày 08/10/1993. Căn cước công dân số 096093005859, cấp ngày 14/8/2021. Địa chỉ thường trú: Ấp K, xã P, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau. Là chủ hộ kinh doanh T3.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Liên Quốc T là bà Phan Thị Duy P, sinh ngày 21/11/1984. Địa chỉ: Số C, khóm A, phường B, tỉnh Cà Mau và bà Phan Thị Quốc A, sinh ngày 26/05/2002. Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

*- Bị đơn:* Ông Hồ Văn P1, sinh ngày 01/01/1973. Căn cước công dân số 095073002153, cấp ngày 02/7/2021 và bà Phan Thanh T1, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, tỉnh Cà Mau. *(Vắng mặt).*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thanh T2, sinh ngày 15/8/1994. Căn cước công dân số 092194010026. Địa chỉ: Số B, ấp Y, phường C, thành phố Cần Thơ. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2025, bản tự khai ngày 26/9/2025, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Liên Quốc T và người đại diện hợp pháp theo*

*ủy quyền của nguyên đơn ông Liên Quốc T là bà Phan Thị Duy P, trình bày:*  
Vào khoảng ngày 25/7/2022, Hộ Kinh doanh T3 do ông Liên Quốc T là Chủ hộ kinh doanh với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có ký kết hợp đồng mua bán về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản. Sau khi ký hợp đồng mua bán trên, Hộ Kinh doanh T3 đã bán cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm theo đúng yêu cầu của ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1. Về phương thức thanh toán, hai bên thỏa thuận ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ ngay khi thu hoạch tôm. Trong trường hợp ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 nuôi tôm bị thất thu thì không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán của ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 với H Kinh doanh T3. Quá trình mua bán thức ăn, từ ngày 25/7/2022 đến ngày 04/3/2023, Hộ Kinh doanh T3 đã bán cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với tổng số tiền 58.236.000 đồng. Trước khi thu hoạch tôm, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có trả cho H Kinh doanh Tân Quang M 2 số tiền là 5.000.000 đồng. Sau khi thu hoạch tôm xong, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có trả cho H Kinh doanh Tân Quang M 2 số tiền là 5.000.000 đồng. Sau đó, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có trả cho H Kinh doanh Tân Quang M 2 thêm số tiền là 1.000.000 đồng. Đến ngày 20/6/2024, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 với Hộ Kinh doanh T3 có đối chiếu công nợ với nhau; ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thừa nhận còn nợ H Kinh doanh Tân Quang Minh 2 số tiền mua tôm giống, thuốc và thức ăn nuôi tôm là 47.236.000 đồng. Chữ ký và chữ viết ông Hồ Văn P1 tại biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 20/6/2024 là của ông Hồ Văn P1 trực tiếp ký và viết ra.

Sau đó, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết nên Hộ Kinh doanh T3 đã không bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 từ ngày 04/3/2023.

Từ ngày đối chiếu công nợ đến ngày 11/11/2025, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 chỉ trả được cho H Kinh doanh Tân Quang M 2 thêm số tiền 5.000.000 đồng. Hiện nay, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 còn nợ H Kinh doanh Tân Quang M 2 số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm còn nợ là 42.236.000 đồng.

Nay ông Liên Quốc T là chủ Hộ kinh doanh T3 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Liên Quốc T (Là chủ hộ kinh doanh T) số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản là 42.236.000 đồng và tiền lãi suất tạm tính đến ngày 11/11/2025 là 6.085.000 đồng. Đồng thời, ông Liên Quốc T yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 trả cho ông Liên Quốc T (Là chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 5.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả trên số tiền 42.236.000 đồng từ ngày 12/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/01/2026

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/12/2025, bị đơn ông Hồ Văn P1 trình bày: Vào khoảng ngày 25/7/2022, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có ký với Hộ Kinh doanh T3 do ông Liên Quốc T là chủ hộ kinh doanh hợp đồng mua bán về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản. Sau khi ký hợp đồng mua bán trên, Hộ Kinh doanh T3 đã bán cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm nhưng ông Hồ Văn P1 không còn nhớ cụ thể số lượng từng loại là bao nhiêu, ông Hồ Văn P1 chỉ nhớ còn nợ H Kinh doanh T3 số tiền khoảng 70.000.000 đồng. Về phương thức thanh toán, hai bên thỏa thuận ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ ngay khi thu hoạch tôm. Ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 nuôi tôm bị thu lỗ nên ngay sau khi thu hoạch tôm xong, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 chỉ trả nợ cho Hộ Kinh doanh T3 2 được số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 25.000.000 đồng. Sau khi ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 không trả đủ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản thì H Kinh doanh Tân Quang M không bán thuốc nuôi trồng thủy và thức ăn nuôi tôm cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1. Do ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 đều nuôi tôm thất bại nên ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 không có tiền trả đủ cho ông H Kinh doanh T3. Đến ngày 20/6/2024, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 với Hộ Kinh doanh T3 do ông Liên Quốc T là chủ hộ kinh doanh có đối chiếu công nợ với nhau; ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thừa nhận còn nợ H Kinh doanh T3 do ông Liên Quốc T là chủ hộ kinh doanh số tiền mua tôm giống, thuốc và thức ăn nuôi tôm là 47.236.000 đồng. Ông Hồ Văn P1 xác định chữ ký và chữ viết ông Hồ Văn P1 tại biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 20/6/2024 là của ông Hồ Văn P1 trực tiếp ký và viết ra.

Từ ngày đối chiếu công nợ đến ngày 11/11/2025, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có trả được cho H Kinh doanh Tân Quang M 2 thêm số tiền 5.000.000 đồng. Hiện nay, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 còn nợ H Kinh doanh Tân Quang M 2 số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm là 42.236.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T là Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang Minh 2 thì ông Hồ Văn P1 chỉ đồng ý thanh toán cho Hộ Kinh doanh T3 do ông Liên Quốc T là chủ hộ kinh doanh số tiền mua thuốc thủy sản và thức ăn nuôi tôm còn nợ là 42.236.000 đồng nhưng ông Hồ Văn P1 không đồng ý trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho H Kinh doanh T3 là 6.085.000 đồng do H Kinh doanh Tân Quang Minh 2 bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đã có lợi và hiện nay ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 nuôi tôm thất bại, không có tiền trả tiền lãi suất. Nhưng ông Hồ Văn P1 xin mỗi năm trả số tiền gốc là 5.000.000 đồng, trả cho đến khi trả hết nợ. Ông Hồ Văn P1 xác định bà Phan Thanh T1 cũng đồng ý cùng ông Hồ Văn P1 trả nợ cho H Kinh doanh Tân Quang Minh 2 số tiền mua tôm giống, thuốc nuôi trồng thủy sản và thức ăn nuôi tôm còn nợ là 42.236.000 đồng nhưng bà Phan Thanh T1 cũng không đồng ý trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho H Kinh doanh T3.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2025, bị đơn bà Phan Thanh T1 trình bày:* Bà Phan Thanh T1 và ông Hồ Văn P1 là vợ chồng chung sống với nhau đến nay đã được hơn 28 năm. Trong thời gian sống chung, vợ chồng bà Phan Thanh T1 và ông Hồ Văn P1 cùng nhau làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình và lo cho các con. Khoảng năm 2022, ông Hồ Văn P1 có ký hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản với Hộ kinh doanh T3 do ông Liên Quốc T làm chủ hộ kinh doanh. Lúc đầu, bà Phan Thanh T1 không đồng ý cho ông Hồ Văn P1 ký hợp đồng do gia đình bà Phan Thanh T1 và ông Hồ Văn P1 đã nuôi tôm nhiều lần thất bại nhưng ông Hồ Văn P1 vẫn tự mình ký hợp đồng với Hộ Kinh doanh T3. Bà Phan Thanh T1 không ký tên và cũng không biết rõ giao dịch mua bán giữa ông Hồ Văn P1 với Hộ kinh doanh T3. Bà Phan Thanh T1 chỉ biết ông Hồ Văn P1 lấy thuốc và thức ăn thủy sản của Hộ kinh doanh T3 về để nuôi tôm của gia đình. Tuy nhiên, do năm đó bà Phan Thanh T1 và ông Hồ Văn P1 nuôi tôm thất bại nên không có khả năng thanh toán tiền thức ăn và thuốc thủy sản cho Hộ kinh doanh T3. Bà Phan Thanh T1 có nghe ông Hồ Văn P1 nói đang nợ H kinh doanh Tân Quang M 2 tiền thuốc thủy sản và thức ăn nhưng nợ số tiền bao nhiêu thì bà Phan Thanh T1 không rõ.

Nay bà Phan Thanh T1 đồng ý cùng với ông Hồ Văn P1 có nghĩa vụ trả cho ông Liên Quốc T là H kinh doanh Tân Quang Minh 2 số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 42.236.000 đồng nhưng bà Phan Thanh T1 không đồng ý trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền gốc chưa thanh toán cho H Kinh doanh T3 là 6.085.000 đồng do H Kinh doanh Tân Quang Minh 2 bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản đã có lợi và hiện nay bà Phan Thanh T1 và ông Hồ Văn P1 nuôi tôm thất bại, không có tiền trả tiền lãi suất.

*Tại bản tự khai đề ngày 15/12/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh T2 trình bày:* Bà Trần Thị Thanh T2 thống nhất với lời trình bày của ông Liên Quốc T. Nay bà Trần Thị Thanh T2 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T đối với ông Hồ Văn P1, bà Phan Thanh T1.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) về việc yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thanh toán số tiền 5.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 12/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026).

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Liên Quốc T số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán là 42.236.000 đồng và lãi chậm trả từ ngày 20/6/2024 đến ngày 11/11/2025.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Liên Quốc T khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thanh toán số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ 42.236.000 đồng. Đây là tranh chấp về hợp đồng theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 hiện nay đang cư trú tại ấp V, xã H, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Liên Quốc T là Phan Thị Duy P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Duy P, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 15/12/2025, ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thanh toán cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 5.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 12/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026). Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 trả cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 5.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 12/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026).

[3] Về nội dung: Ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 phải thanh toán cho ông Liên Quốc T số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 42.236.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Liên Quốc T đã cung cấp cho Tòa án một biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 20/6/2024 có chữ ký và chữ viết của ông Hồ Văn P1 có nội dung thể hiện ông Hồ Văn P1 có nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T3. Ông Hồ Văn P1 thừa nhận đây là chữ ký và chữ viết tại biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 20/6/2024 của ông Hồ Văn P1. Đồng thời, ông Liên Quốc T với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 đều thống nhất ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có ký kết hợp đồng mua bán với nhau, Hộ kinh doanh T3 có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1. Mặc khác, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 đều thừa nhận còn nợ ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 42.236.000 đồng. Ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 cũng đồng ý trả cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 42.236.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) là 42.236.000 đồng nhưng chưa thanh toán tiền cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) nên ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 42.236.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận và buộc ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 phải thanh toán cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 42.236.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu lãi chậm trả bằng 0,83%/tháng của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 trên số tiền là 42.236.000 đồng tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày 11/11/2025 là 6.085.000 đồng. Ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 cho rằng việc H kinh doanh Tân Quang Minh 2 bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 đã có lãi, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 nuôi tôm thất bại nên ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 không đồng ý trả tiền lãi chậm trả cho Hộ kinh doanh T3. Xét thấy, khi ký kết hợp đồng mua bán, hai bên có thỏa thuận, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 phải thanh toán cho Hộ kinh doanh T3 2 toàn bộ số tiền nợ ngay khi thu hoạch tôm và có thỏa thuận khi hai bên chấm dứt hợp đồng nếu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 chưa thanh toán hết nợ cho Hộ kinh doanh T3 thì phải trả lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm ngưng giao dịch. Ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) với ông Hồ Văn P1, bà Phan Thanh T1 thống nhất từ ngày 04/3/2023, hai bên đã ngừng giao dịch với nhau và đến ngày 20/6/2024 thì hai bên đối chiếu công nợ với nhau. Sau khi đối chiếu công nợ, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 vẫn không trả tiền cho H kinh doanh T3 là vi phạm hợp đồng mua bán đã ký kết với nhau. Do đó, ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 trả tiền lãi chậm trả trên số tiền là

42.236.000 đồng tính từ ngày 20/6/2024 đến ngày 11/11/2025 là 6.085.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất chậm trả cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) là 6.085.000 đồng.

[5] Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1; buộc ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Liên Quốc T tổng số tiền là 48.321.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 được Tòa án chấp nhận nên ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho ông Liên Quốc T bằng  $48.321.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.416.050 \text{ đồng}$  theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003073 ngày 23/10/2025 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 430, 431, 433, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 trả cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) số tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và tiền lãi suất chậm trả từ ngày 12/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/01/2026).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đối với ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 về việc yêu cầu ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 thanh toán cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản và tiền lãi suất chậm trả còn nợ là 48.321.000 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

3. Buộc ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản và tiền lãi suất chậm trả còn nợ là 48.321.000 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng).

4. Kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2026, ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi suất đối với khoản nợ chưa thanh toán cho ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đến khi thanh toán hết nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hồ Văn P1 và bà Phan Thanh T1 phải nộp 2.416.050 đồng (Hai triệu bốn trăm mười sáu nghìn không trăm lẻ năm đồng).

Ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Liên Quốc T (Chủ hộ kinh doanh T3) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003073 ngày 23/10/2025 Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS khu vực 7-Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Dương Hồng Chi**